TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **174**/2026/HS-ST
Ngày: 30-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.
Ông Phan Đăng Khoa.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai và điểm cầu thành phần tại Phân trại tạm giam T – Trại tạm giam số 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 343/2026/HSST-QĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; sinh năm 1982 tại Cần Thơ; HKTT: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu phố M, phường C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Con ông Nguyễn Thanh D và bà Bùi Thị D1; Có vợ tên Nguyễn Thị Kim C, có 02 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 26/9/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam T – Trại tạm giam số 1.

Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Chị Phan Thị Kim N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 4, khu phố E, phường T, tỉnh Đồng Nai (phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ).

Chỗ ở: 3/20, khu phố G, phường T, tỉnh Đồng Nai (phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7/2025, Nguyễn Văn T thuê ở trọ tại khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) và có quen biết với Nguyễn Anh T1 (sinh ngày 09/10/1989). Quá trình ở trọ, T biết chị Phan Thị Kim N ngụ tại 1, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) ở trọ gần phòng trọ với T thường đi làm về khuya và có đeo vòng tay bằng vàng nên T nảy sinh ý định cướp vòng vàng của chị N để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 21 giờ ngày 16/7/2025, T gặp T1 và rủ T1 cùng tham gia cướp tài sản của chị N thì T1 đồng ý. T mang theo 01 con dao dài khoảng 20cm, bản rộng 4cm, màu đen cùng T1 đi bộ đến nấp ở bụi cây ven đường dân sinh thuộc khu phố G, phường T để chờ chị N đi làm về. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi thấy chị N đi làm về thì T và T1 xông ra khống chế chị N. T xông đến ôm chị N từ phía sau và dùng tay bịt miệng chị N. T1 dùng tay đánh vào mặt và bụng chị N. T đe dọa chị N không được truy hô và chống cự. Tiếp đó, T nói T1 đến ôm giữ chị N để T tháo 07 chiếc vòng ciment bằng vàng 18K có tổng trọng lượng 3,3 chỉ, trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng) trên tay trái chị N. Sau khi chiếm đoạt được vòng vàng của chị N, T và T1 bỏ chạy đến khu vực trước nghĩa trang G thuộc khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Tại đây, T dùng tay bẻ 02 chiếc vòng và nghi là vàng giả nên T vứt 02 chiếc vòng gãy vào bụi cỏ ven đường. T1 giữ lại 02 chiếc vòng. T thấy vậy nên cũng giữ lại 03 chiếc vòng. Ngày 17/7/2025, T mang 03 chiếc vòng đến bán tại tiệm vàng "Quốc Bảo 2" ở khu vực chợ "T" thuộc phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) thì biết là vàng thật. T bán cho ông Nguyễn Đức T2 (chủ tiệm) được 937.000đ (chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng), số tiền này, T tiêu xài hết. Sau đó, T về rủ T1 mang 02 chiếc vòng vàng T1 đang giữ quay lại tiệm vàng "Quốc Bảo 2" bán cho ông T2 được 625.000đ (sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng). T chia cho T1 300.000đ, còn lại 325.000đ T giữ tiêu xài hết. Sau khi bị chiếm đoạt tài sản chị N đã đến Công an phường T trình báo. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Anh T1 và Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản". Sau đó Nguyễn Anh T1 đã bị bắt giữ và bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm tù giam. Nguyễn Văn T bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định truy nã. Ngày 26/9/2025, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ đã bắt giữ Nguyễn Văn T theo quyết định truy nã để điều tra, xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 con dao dài 20cm, Nguyễn Văn T mang theo để thực hiện hành vi phạm tội nhưng không sử dụng và làm rơi ở hiện trường. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B đã thu giữ. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên tịch thu tiêu hủy tại Bản án xét xử đối với Nguyễn Anh T1.

- 02 chiếc vòng ciment bằng vàng 18K của chị Phan Thị Kim N do T đã vứt bỏ, không thu hồi được.

- 05 chiếc vòng ciment bằng vàng 18K của chị Phan Thị Kim N do Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh T1 đã bán cho ông Nguyễn Đức T2 (chủ tiệm vàng "Quốc Bảo 2"). Ông T2 đã chế tác lại nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết tại Bản án xét xử đối với Nguyễn Anh T1.

Tại Cáo trạng số: 242/CT-VKSKV1 ngày 03 tháng 02 năm 2026 và Công văn số 369/CV-VKSKV1 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai:

Trong quá trình điều tra, truy tố thì Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cũng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, bị hại đã có lời khai tại hồ sơ vụ án. Sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử, nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi thực hiện tội phạm của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác được thể hiện tại hồ sơ vụ án; phù hợp với những nội dung mà bản Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố.

Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 16/7/2005, Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh T1 đã thực hiện hành vi dùng vũ lực khống chế và dùng tay đánh chị Phan Thị Kim N để chiếm đoạt 07 chiếc vòng ciment bằng vàng 18K có trọng lượng 3,3 chỉ, trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng) tại đường dân sinh thuộc khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Sau đó, Nguyễn Anh T1 đã bị bắt giữ và đưa ra xét xử, còn T bỏ trốn. Đến ngày 26/9/2025, Nguyễn Văn T bị bắt giữ theo quyết định truy nã để điều tra, xử lý.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định hình phạt tội "Cướp tài sản" nhẹ hơn Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa dổi, bổ sung năm 2009). Do đó, căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để có lợi cho bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, bị truy nã từ năm 2005 đến năm 2025. Bị cáo là người trong độ tuổi trưởng thành có khả năng lao động, để có tiền tiêu xài lại có hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác thể hiện thái độ xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự địa phương, nên cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội (ngày 16/7/2005), Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Anh T1 (sinh ngày 09/10/1989) thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, thuộc tình tiết tăng nặng xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết tại Bản án số 160/2026/HSST ngày 22/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử đối với Nguyễn Anh T1 nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: đã được giải quyết tại Bản án số 160/2026/HSST ngày 22/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử đối với Nguyễn Anh T1 nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Cướp tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù được tính kể từ ngày 26/9/2025.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh Thủy